

ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN NGOÀI SỰ PHẠM VỀ VIỆC SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN VĂN ĐIỀU*

TÓM TẮT

Để sử dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả, giảng viên cần phải có năng lực sư phạm và kỹ năng giảng dạy; tuy nhiên, vẫn còn có những giảng viên ngoài sư phạm chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên hiểu biết về các đặc điểm của việc giảng dạy ở mức độ cao, sử dụng được các phương pháp giảng dạy đại học ở mức độ khá và có nhu cầu nâng cao trình độ.

Từ khóa: đánh giá, giảng viên ngoài sư phạm, phương pháp giảng dạy, nghệ thuật giảng dạy.

ABSTRACT

Non-pedagogical lecturers' assessment of the use of teaching methods in some universities in Ho Chi Minh city

In order to use the teaching methodology in the effective way, lecturers need both pedagogical competence and teaching skills; however, there are still non-pedagogical lecturers who have not received any pedagogical professional development. The findings of the survey show that lecturers comprehend, at a high level, most characteristics of teaching activity, utilizing teaching methods in tertiary education rather effectively and are in need of professional development.

Keywords: assessment, non pedagogical lecturer, teaching methodology, art of teaching.

1. Dẫn nhập

Cải tiến phương pháp giảng dạy là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục hiện nay. Bởi nội dung giáo dục mang tính thực tiễn và khoa học “nội dung quy định phương pháp” nên khâu truyền đạt phải được chuẩn bị kỹ lưỡng và đầy đủ. Tuy nhiên, trong giai đoạn xã hội đang ổn định và phát triển, thì những cải tiến trong giáo dục cũng có những thách thức nhất định, nhất là ở khâu người thầy. Do đó, việc nghiên cứu hiện trạng sử dụng các phương pháp giảng dạy của giảng viên là cần thiết.

Hệ thống biện pháp dạy học là cơ cấu kỹ thuật của phương pháp dạy học. Đó là điều kiện cần để tiến hành hoạt động dạy học hiệu quả. Tuy nhiên các kỹ thuật dạy học không giống như kỹ thuật trong các hoạt động khác vì nó mang tính người, mang tính sáng tạo nghệ thuật. Sự khác nhau giữa biện pháp kỹ thuật với thủ pháp nghệ thuật là tính logic. Biện pháp kỹ thuật luôn gắn với tiến bộ khoa học kỹ thuật, còn thủ pháp nghệ thuật luôn có xu hướng sáng tạo và vượt ra khỏi khuôn khổ logic. Vì vậy thủ pháp nghệ thuật được triển khai theo quy trình bán logic, tính kỹ thuật ít, chủ yếu là sự sáng tạo, tự do.

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

Dạy học mang tính chất khoa học công nghệ và có tính nghệ thuật, vì vậy phương pháp dạy học cũng vừa mang bản chất kỹ thuật và logic công nghệ vừa có tính nghệ thuật. Sự tăng dần mức độ nghệ thuật trong dạy học trên cơ sở chuyển hóa các biện pháp kỹ thuật thành thủ pháp nghệ thuật là cơ sở để nâng cao trình độ dạy học. Trong dạy học hiện đại, người ta phải xây dựng mô hình và công nghệ dạy học cho từng cá nhân trên cơ sở cá tính, khả năng, hứng thú học tập riêng của mỗi người. Để giảng dạy hiệu quả, giảng viên cần có những đặc điểm sau đây:

- Có kiến thức sâu rộng về bộ môn đang được giảng dạy, cả về nội dung cấu trúc lẫn môn học liên ngành;

- Phải quen thuộc với tri thức lý thuyết và nghiên cứu về học tập và hành vi của con người để có thể giải thích nhận biết và giải thích những sự kiện trong lớp học một cách đúng đắn;

- Có vốn kỹ năng giảng dạy giúp họ đáp ứng những yêu cầu khác nhau của người học.

Ngoài ra, giảng viên cần phải có năng lực sư phạm. Năng lực sư phạm là một loại năng khiếu đặc biệt. Một giảng viên muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình phải có những năng lực chung và năng lực chuyên môn. Những đặc điểm của năng lực sư phạm còn do tính chất phong phú và nhiều mặt của hoạt động dạy học và giáo dục quy định. Năng lực sư phạm là một phức hợp những phẩm chất của cá nhân, trong đó có một số phẩm chất được gọi là năng lực, nhưng nếu thiếu chúng thì các thuộc tính đó không thể tạo thành năng lực được. Trong số các năng lực sư phạm của giảng viên, người ta cũng kể đến niềm tin, xúc

cảm và ý chí. Điều này không mâu thuẫn với các bằng chứng thực tế cũng như lý thuyết về bản chất của năng lực sư phạm. Bài viết này nghiên cứu các mặt sau đây:

- Đặc điểm giảng dạy quan trọng;
- Nhu cầu cải tiến giảng dạy của sinh viên;
- Những khó khăn lớn trong việc giảng dạy tại trường đại học;
- Giải pháp nào cần được thực hiện để giải quyết những vấn đề nêu trên.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm những giảng viên của các trường đại học ngoài sư phạm theo học lớp bồi dưỡng về Lý luận dạy học đại học tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM), khóa tháng 10 năm 2011.

Tổng cộng: 96

Giới tính	N	%
Nam	42	43,8
Nữ	54	56,3

Thâm niên	N	%
Không ghi	12	12,5
dưới 5 năm	58	60,4
từ 6 đến 10 năm	18	18,8
từ 11 đến 15 năm	6	6,3
trên 20 năm	2	2,1

Chuyên ngành	N	%
Không ghi	1	1,0
Tự nhiên	25	26,0
Xã hội	41	42,7
Ngoại ngữ	7	7,3
Các ngành khác	22	22,9

2.2. Tham số của thang đo

- Hệ số tin cậy của thang: 0,874 (Cronbach)

- Độ phân cách của câu: xem bảng 1

Bảng 1. Độ phân cách câu

Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC
1	0,253	11	0,325	21	0,292	31	0,263	41	0,494
2	0,233	12	0,434	22	0,326	32	0,413	42	0,532
3	0,377	13	0,515	23	0,266	33	0,221	43	0,353
4	0,236	14	0,412	24	0,380	34	0,253	44	0,534
5	0,286	15	0,403	25	0,201	35	0,230	45	0,528
6	0,407	16	0,337	26	0,422	36	0,408	46	0,560
7	0,329	17	0,319	27	0,375	37	0,160	47	0,494
8	0,462	18	0,479	28	0,263	38	0,429	48	0,428
9	0,303	19	0,414	29	0,462	39	0,390	49	0,365
10	0,322	20	0,307	30	0,149	40	0,428	50	0,405
								51	0,506

Bảng 1 cho thấy:

- Những câu có độ phân cách tốt (> 0,400): 6, 8, 12, 13, 14, 15, 18, 19, 26, 29, 32, 36, 38, 40, 41, 42, 44, 45, 46, 47, 48, 50 và 51.

- Những câu có độ phân cách khá (0,300 đến 0,399): 3, 7, 9, 10, 11, 16, 17, 20, 22, 24, 27, 39, 43 và 49

- Những câu có độ phân cách trung bình (0,200 đến 0,299): 1, 2, 4, 5, 21, 23, 25, 28, 31, 33, 34 và 35

- Những câu có độ phân cách kém (< 0,200): 30 và 37.

2.3. Kết quả khảo sát

Một số từ viết tắt trong các bảng:

- ĐLTC: Độ lệch tiêu chuẩn
- TB: Trung bình cộng
- N: Số khách thể trả lời

Tùy theo thang đo, điểm trung bình cộng sẽ thay đổi. Theo kết quả này, có thể quy định về các mức như sau:

- Thang 5 mức

- Trung bình cộng từ 4,5 đến 5,0: Mức cao

- Trung bình cộng từ 3,50 đến 4,49: Mức khá cao

- Trung bình cộng từ 2,50 đến 3,49: Mức trung bình

- Trung bình cộng dưới 2,49: Mức kém

Dựa vào thang 5 mức và trung bình cộng của các câu, sẽ biết được mức độ đánh giá.

2.4. Kết quả đánh giá chung của giảng viên

- Về đặc điểm giảng dạy quan trọng (xem bảng 2)

Bảng 2. Đánh giá của giảng viên về những đặc điểm giảng dạy quan trọng

Đặc điểm giảng dạy quan trọng	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Trình bày ý tưởng rõ ràng	4,64	0,50	1
Chuẩn bị và cấu trúc bài học logic	4,62	0,48	2
Có tri thức về tài liệu giảng dạy	4,60	0,58	3
Phát triển động cơ học tập	4,44	0,66	4
Phát triển quá trình tư duy	4,38	0,74	5

Quan tâm đến thông tin phản hồi của sinh viên	4,31	0,73	6
Khả năng kích thích tính tò mò trí tuệ	4,29	0,78	7
Trình bày tài liệu hấp dẫn	4,22	0,71	8
Có khả năng nghiên cứu	4,22	0,85	9
Sẵn sàng giúp đỡ sinh viên	4,14	0,56	10
Sử dụng ngôn ngữ thành thạo	4,06	0,79	11
Có tính mềm dẻo trong giảng dạy	4,04	0,57	12
Tiếp cận sinh viên một cách thân thiện	3,93	0,72	13
Có óc khôi hài	3,80	0,84	14
Có ngoại hình	2,79	0,95	15

Bảng 2 cho thấy các mức độ đánh giá từ cao xuống thấp như sau:

- Mức cao: Trình bày ý tưởng rõ ràng, chuẩn bị và cấu trúc bài học logic và có tri thức về tài liệu giảng dạy.

- Mức khá cao: Phát triển động cơ học tập, phát triển quá trình tư duy, quan tâm đến thông tin phản hồi của sinh viên, khả năng kích thích tính tò mò trí tuệ, trình bày tài liệu hấp dẫn, có khả năng nghiên cứu, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên, sử dụng ngôn ngữ thành thạo, có tính mềm dẻo trong giảng dạy, tiếp cận sinh viên một cách thân thiện và có óc khôi hài.

- Mức trung bình: Có ngoại hình dễ nhìn.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy giảng viên đánh giá cao nhất những

đặc điểm mang tính chuyên môn và sư phạm. Hay nói cách khác, giảng viên phải có trình độ chuyên môn cao, chuẩn bị bài giảng kỹ và có phương pháp truyền đạt tốt. Bên cạnh đó, giảng viên đánh giá khá cao việc phát triển động cơ, tư duy, kích thích tò mò trí tuệ, quan tâm đến ý kiến của sinh viên, kỹ năng dạy học, khả năng nghiên cứu, có thái độ đúng đắn với sinh viên, còn ngoại hình được đánh giá ở thứ bậc thấp nhất.

Từ kết quả này có thể kết luận: Giảng viên ngoài sư phạm cho rằng việc muốn giảng dạy hiệu quả cần phải có trình độ chuyên môn cao, có nghiệp vụ sư phạm và có thái độ đúng đắn với nghề dạy học và với sinh viên.

- *Nhu cầu cải tiến giảng dạy của sinh viên (xem bảng 3)*

Bảng 3. Đánh giá của giảng viên về nhu cầu cải tiến giảng dạy của sinh viên

Nhu cầu cải tiến giảng dạy của sinh viên	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Kích thích sinh viên tham gia học tập	4,43	0,51	1
Hiểu được các câu hỏi của sinh viên	4,26	0,61	2
Vượt qua những lo lắng và hồi hộp trong lúc giảng	4,17	0,80	3
Cải tiến việc lập kế hoạch và chuẩn bị giáo trình	4,11	0,86	4
Đánh giá hoạt động học tập của sinh viên	4,10	0,85	5
Sử dụng phương tiện khoa học kỹ thuật tiên bộ	3,95	0,63	6
Tham khảo ý kiến của đồng nghiệp	3,90	0,65	7
Làm việc với sinh viên theo nhóm nhỏ	3,76	0,89	8

Bảng 3 cho thấy nhu cầu cải tiến giảng dạy của sinh viên được đánh giá ở mức độ khá cao, như: kích thích sinh viên tham gia học tập, hiểu được các câu hỏi của sinh viên, vượt qua những lo lắng và hỏi hợp trong lúc giảng, cải tiến việc lập kế hoạch và chuẩn bị giáo trình, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên, sử dụng phương tiện khoa học kĩ thuật tiến bộ, tham khảo ý kiến của đồng nghiệp và làm việc với sinh viên theo nhóm nhỏ.

Như vậy, những nhu cầu cải tiến

Bảng 4. Đánh giá của giảng viên về những khó khăn trong việc giảng dạy tại trường đại học

Những khó khăn trong việc giảng dạy tại trường đại học	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Phát triển kĩ năng tư duy	3,32	1,13	1
Chương trình học chưa đáp ứng yêu cầu của sinh viên	3,32	0,98	2
Đổi mới phương pháp giảng dạy	3,28	1,11	3
Môi trường và điều kiện học tập	3,19	1,01	4
Thực hành	3,08	1,09	5
Trình độ giảng viên	3,04	1,12	6
Phát triển khả năng tự học của sinh viên	3,01	1,19	7
Giám sát việc giảng dạy của giảng viên	2,94	1,08	8
Sắp xếp thời gian phù hợp cho sinh viên	2,68	1,02	9
Đánh giá kết quả học tập	2,46	0,96	10
Cung cấp tài liệu học tập	2,40	1,07	11
Trình bày bài giảng rõ ràng	2,32	0,95	12
Cập nhật hóa thông tin	2,28	1,03	13
Quan tâm đến sinh viên (tôn trọng, thân thiện,...)	2,01	0,74	14

Bảng 4 cho thấy những khó khăn lớn trong việc giảng dạy tại trường đại học được đánh giá theo mức độ từ cao xuống thấp như sau:

- Mức trung bình: Phát triển kĩ năng tư duy, chương trình học chưa đáp ứng yêu cầu của sinh viên, đổi mới phương pháp giảng dạy, môi trường và điều kiện học tập, thực hành, trình độ giảng viên, phát triển khả năng tự học của sinh viên,

giảng dạy của sinh viên qua đánh giá của giảng viên cho thấy đây là nhu cầu thực trong các trường đại học. Những nhu cầu này đòi hỏi giảng viên phải hiểu biết người học, có những kĩ năng về giảng dạy, chuẩn bị giảng dạy và biết đánh giá kết quả học tập của sinh viên, sử dụng những phương tiện dạy học cũng như học hỏi từ đồng nghiệp và sinh viên.

- Những khó khăn trong việc giảng dạy tại trường đại học (xem bảng 4)

giám sát việc giảng dạy của giảng viên và sắp xếp thời gian phù hợp cho sinh viên.

- Mức kém: Đánh giá kết quả học tập; cung cấp tài liệu học tập; trình bày bài giảng rõ ràng, cập nhật hóa thông tin và quan tâm đến sinh viên (tôn trọng, thân thiện...).

Điều lưu ý ở đây là những khó khăn lớn trong việc giảng dạy tại trường đại học chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình và kém. Nói cách khác, giảng viên

có thể đã thực hiện những công việc hoặc yêu cầu này. Tuy nhiên thứ bậc các yêu cầu phản ánh mức độ khó theo thứ bậc cần thực hiện tại các trường như việc phát triển kỹ năng tư duy, sửa đổi chương

trình học, đổi mới phương pháp giảng dạy, môi trường học tập, trình độ của giảng viên, tự học của sinh viên...

- Giải pháp cần thực hiện (xem bảng 5)

Bảng 5. Đề xuất của giảng viên về giải pháp cần được thực hiện để giải quyết những vấn đề khó khăn trong việc giảng dạy tại trường đại học

Giải pháp cần được thực hiện để giải quyết những vấn đề khó khăn trong việc giảng dạy tại trường đại học	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Nâng cao trình độ giảng viên	4,56	0,73	1
Cải tiến phương pháp giảng dạy	4,41	0,64	2
Bài giảng thực tiễn hơn	4,40	0,74	3
Chương trình học phù hợp với việc giảng dạy nghề nghiệp	4,39	0,78	4
Dành thêm kinh phí cho giáo dục	4,33	0,90	5
Phát triển kỹ năng tư duy của sinh viên thông qua bài giảng	4,29	0,75	6
Cung cấp thông tin cập nhật hóa	4,29	0,84	7
Thực hành nhiều hơn	4,28	0,76	8
Giảng bài rõ ràng	4,27	0,81	9
Cải thiện môi trường và điều kiện học tập	4,21	0,96	10
Cải tiến phương pháp đánh giá	4,10	0,91	11
Quan tâm đến sinh viên	4,07	0,68	12
Sắp xếp thời gian hợp lý	4,04	0,79	13
Giám sát việc giảng dạy của giảng viên	3,43	1,05	14

Bảng 5 cho thấy giải pháp cần thực hiện để giải quyết những vấn đề được đánh giá theo mức độ từ cao xuống thấp như sau:

- Mức cao: Nâng cao trình độ giảng viên.

- Mức khá cao: Cải tiến phương pháp giảng dạy, bài giảng thực tiễn hơn, chương trình học phù hợp với việc giảng dạy nghề nghiệp, dành thêm kinh phí cho giáo dục, phát triển kỹ năng tư duy của sinh viên, thông qua bài giảng, cung cấp thông tin cập nhật hóa, thực hành nhiều hơn, giảng bài rõ ràng, cải thiện môi trường và điều kiện học tập, cải tiến

phương pháp đánh giá, quan tâm đến sinh viên và sắp xếp thời gian hợp lý.

- Mức trung bình: Giám sát việc giảng dạy của giảng viên.

Giải pháp “Nâng cao trình độ giảng viên” được đánh giá cao nhất. Điều này phản ánh đúng thực tế về trình độ giảng viên ở các trường chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn. Những giải pháp còn lại để giải quyết những khó khăn được nêu ra ở các phần trình bày trước đây. Những khó khăn chưa được giải quyết có lẽ một phần do giảng viên chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm một cách hệ thống

và đầy đủ, một phần do cách quản lí chưa bao quát và mang tính giáo dục cao.

2.5. Kết quả so sánh đánh giá của giảng viên theo các tham số nghiên cứu (xem bảng 6, 7, 8)

Để việc so sánh đơn giản hơn, các mặt của việc sử dụng phương pháp dạy học được tính theo trung bình cộng từ các câu thuộc mặt đó và sau đó so sánh theo các tham số: giới tính, thâm niên và ngành học.

Ghi chú:

Khi kiểm nghiệm F được dùng và 2 cột trị số F và P có trong bảng. Nếu $P < 0,05$ thì kiểm nghiệm F có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa các tham số của khách thể nghiên cứu về cách đánh giá một ý kiến đó, nếu $P > 0,05$ thì kiểm nghiệm F không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa các tham số của khách thể nghiên cứu về cách đánh giá một ý kiến đó.

Bảng 6. So sánh đánh giá của giảng viên về các mặt của việc sử dụng phương pháp dạy học theo giới tính

Các mặt của việc sử dụng phương pháp dạy học	Giới tính				F df = 1	P
	Nam		Nữ			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Đặc điểm giảng dạy quan trọng	62,35	4,91	62,70	5,04	0,11	0,73
Nhu cầu cải tiến giảng dạy của sinh viên	32,54	2,98	32,85	3,52	0,20	0,65
Những khó khăn lớn trong việc giảng dạy	39,40	8,44	39,37	7,36	0,00	0,98
Giải pháp để giải quyết những vấn đề giảng dạy	59,59	4,70	58,75	8,38	0,33	0,56

Bảng 6 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về cách đánh giá theo tham số giới tính trong việc sử dụng phương pháp dạy học.

Bảng 7. So sánh đánh giá của giảng viên về các mặt của việc sử dụng phương pháp dạy học theo thâm niên

Các mặt của việc sử dụng phương pháp dạy học	Thâm niên								F df = 3	P
	dưới 5 năm		từ 6 đến 10 năm		từ 11 đến 15 năm		trên 20 năm			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Đặc điểm giảng dạy quan trọng	61,74	5,19	64,55	4,20	60,16	5,87	63,50	2,12	1,84	0,14
Nhu cầu cải tiến giảng dạy của sinh viên	32,31	3,59	33,38	2,91	32,16	3,37	32,00	1,41	0,49	0,68
Những khó khăn lớn trong việc giảng dạy	39,58	7,95	39,38	9,19	37,16	7,57	41,50	4,94	0,20	0,89
Giải pháp để giải quyết những vấn đề giảng dạy	58,20	8,04	60,50	4,57	59,33	7,65	59,00	4,24	0,45	0,71

Bảng 7 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về cách đánh giá theo tham số thâm niên trong việc sử dụng phương pháp dạy học.

Bảng 8. So sánh đánh giá của giảng viên về các mặt của việc sử dụng phương pháp dạy học theo ngành học

Các mặt của việc sử dụng phương pháp dạy học	Ngành học								F df= 3	P
	Tự nhiên		Xã hội		Ngoại ngữ		Ngành khác			
	TB	ĐL TC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Đặc điểm giảng dạy quan trọng	60,68	5,59	63,53	4,08	62,71	2,56	62,45	5,77	1,78	0,15
Nhu cầu cải tiến giảng dạy của sinh viên	31,76	3,52	33,60	2,58	32,00	2,00	32,40	4,21	1,92	0,13
Những khó khăn lớn trong việc giảng dạy	39,24	6,74	39,34	8,81	37,57	3,55	40,00	8,37	0,16	0,91
Giải pháp để giải quyết những vấn đề giảng dạy	56,44	10,76	61,04	4,54	57,71	2,92	59,04	5,55	2,43	0,07

Bảng 8 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê về cách đánh giá theo tham số ngành học trong việc sử dụng phương pháp dạy học.

Như vậy, các giảng viên đại học ngoài sư phạm có đánh giá tương tự về các mặt của việc sử dụng phương pháp dạy học, không kể đến sự khác biệt về giới tính, thâm niên hoặc ngành học.

3. Kết luận và kiến nghị

Giảng viên ngoài sư phạm có những đánh giá chính xác về những đặc điểm của việc giảng dạy tại các trường đại học. Nói cách khác, giảng viên ngoài

sư phạm có ý thức nghề nghiệp cao và có ý hướng trở thành những giảng viên thực sự.

Việc sử dụng các phương pháp giảng dạy ở các trường đại học tuy đã được thực hiện nhưng giảng viên còn thiếu một số kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; vì vậy, việc nâng cao trình độ của giảng viên ở các trường là một nhu cầu có thật. Các cấp quản lý cần có kế hoạch đào tạo để giảng viên, nhất là các giảng viên trẻ, có điều kiện học tập và rèn luyện tay nghề theo yêu cầu của nhiệm vụ được giao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Xuân Mới (2000), *Lí luận dạy học đại học*, Nxb Giáo dục.
2. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm.
3. Kenneth T. Henson, Ben F. Eller (1999), *Educational Psychology for Effective Teaching*, Belmont, CA: Wadsworth Publishing Company.
4. Karen Huffman (2004), *Psychology in Action*, John Wiley & Son, Inc.
5. Kenneth D. Moore (2001), *Classroom Teaching Skills*, Boston: Mc Graw Hill.
6. <http://www.training-evaluation-metrics.com/training-objectives.htm>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-11-2011; ngày phản biện đánh giá: 15-12-2011; ngày chấp nhận đăng: 28-2-2012)